

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỒNG PHÚ  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **02/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/01/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hùng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Hạnh

2. Ông Phạm Văn Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Tý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

**Ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở** Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: - Chị Nguyễn Thị Q ; sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: đội 7, ấp SB, xã ĐT, huyện ĐP , tỉnh Bình Phước.

\* Bị đơn: - Anh Thân Thúc T; sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: đội 1, ấp 3, xã ĐT, huyện ĐP , tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 03 tháng 11 năm 2017 cũng như tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh Thân Thúc T sống chung với nhau một cách tự nguyện vào năm 2011, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình sống chung thì vợ chồng sống không có hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu, đánh bài không quan tâm đến vợ con từ đó dẫn đến tình cảm giữa chị và anh T không còn, hai người sống ly thân từ tháng 6 năm 2013 đến nay. Do hai người không có đăng ký kết hôn nên chị yêu cầu Tòa án tuyên bố chị và anh T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh T có một con chung Thân Thị Uyển Nh, sinh ngày 02/11/2012 . Chị yêu cầu được nuôi con vì từ khi sinh ra đến nay cháu Uyển Nh sống với chị và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề chung khác: Không có nên Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Thân Thúc T tại biên bản lấy lời khai ngày 13/12/2017, anh Thân Thúc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị Q sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình sống chung hai người sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người không hợp nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của chị Q thì anh đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống hai người có một con chung Thân Thị Uyển Nh, sinh ngày 02/11/2012, anh T cũng không xác định được có phải là con của anh không nên chị Q yêu cầu nuôi con thì anh đồng ý và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung không có gì nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Thân Thúc T vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đúng quy định của pháp luật trong Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố chị Nguyễn Thị Q và anh Thân Thúc T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Căn cứ Điều 53, 81 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Nh cho chị Q nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thẩm quyền của Tòa án:

Đây là vụ án tranh chấp ly hôn do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Thân Thúc T có nơi cư trú tại huyện ĐP, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

2. Về tố tụng: anh Thân Thúc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Thân Thúc T.

3. Nội dung vụ án:

3.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q và anh Thân Thúc T đều thừa nhận hai người sống chung với nhau một cách tự nguyện vào năm 2011, không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình sống chung thì vợ chồng sống không có hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Tiến thường xuyên uống rượu, đánh bài không quan tâm đến vợ con từ đó dẫn đến tình cảm giữa không còn, hai người sống ly thân từ tháng 6/2013 đến nay. Do hai người không có đăng ký kết hôn nên chị yêu cầu Tòa án tuyên bố chị và anh T không phải là vợ chồng.

Xét thấy chị Nguyễn Thị Q và anh Thân Thúc T chung sống với nhau một cách tự nguyện từ năm 2011, không đăng ký kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân không hợp pháp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; do đó không làm phát sinh các quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặt khác, trong cuộc sống vợ chồng giữa hai người xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp, không tôn trọng, không tin tưởng và quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên bố chị và anh Tiến không phải là vợ chồng. Do đây là cuộc hôn nhân không hợp pháp nên cần áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Q và bị đơn Thân Thúc T là phù hợp.

3.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh T có một con chung Thân Thị Uyên Nh, sinh ngày 02/11/2012. Chị yêu cầu được nuôi con vì từ khi sinh ra đến nay cháu Uyên Nh sống với chị. Anh T cũng đồng ý để chị Q nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con nên cần giao cháu Thân Thị Uyên Nh, sinh ngày 02/11/2012 cho chị Q nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Q không yêu cầu nên không xem xét.

3.3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Tuyên bố chị Nguyễn Thị Q và anh Thân Thúc T không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Thân Thị Uyển Nh, sinh ngày 02/11/2012 cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị Q phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0024358 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Chị Nguyễn Thị Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Thân Thúc T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện ĐP;
- THA huyện ĐP;
- UBND xã ĐT.;
- Các đương sự;
- Lưu HS, BP.HNGĐ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

*( Đã ký )*

**Nguyễn Đức Hùng**